

NGÀNH PHÂN BÓN VÀ DINH DƯỠNG CÂY TRỒNG

3.1. Mục tiêu

3.1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình ngành Phân bón và dinh dưỡng cây trồng đào tạo các cán bộ có năng lực chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thuộc ngành Phân bón và dinh dưỡng cây trồng.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể :

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng trở thành

- MT1: Các cán bộ quản lý và người làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực dinh dưỡng cây trồng, quản lý, sử dụng, sản xuất và kinh doanh phân bón;

- MT2: *Giải quyết những vấn đề thực tiễn trong ngành Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng, phục vụ sản xuất nông nghiệp hiệu quả và bền vững;*

- MT3: Yêu nghề, có trách nhiệm trong công việc, tôn trọng đồng nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

3.2.1. Kiến thức

* Kiến thức chung:

CĐR1. Áp dụng kiến thức toán, khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội và nhân văn trong lĩnh vực phân bón và dinh dưỡng cây trồng;

CĐR2: Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, kinh tế, khoa học và công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ của ngành Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng;

* Kiến thức chuyên môn:

CĐR3: Đánh giá hiện trạng sử dụng, quản lý phân bón và dinh dưỡng cây trồng để giải quyết các vấn đề thực tiễn;

CĐR4: Lập kế hoạch thực hiện quy trình khảo nghiệm, đánh giá chất lượng và kinh doanh phân bón phục vụ các nhiệm vụ của ngành Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng;

3.2.2. Kỹ năng

* Kỹ năng chung:

CĐR5: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong ngành Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng một cách có hiệu quả;

CĐR6: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đạt mục tiêu đề ra;

CĐR7: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hóa và sử dụng thông thạo tiếng Anh;

* Kỹ năng chuyên môn:

CĐR8 : Sử dụng thành thạo thiết bị chuyên môn phục vụ hiệu quả công tác phân tích chất lượng phân bón, cây trồng, đất, nước và quy trình sản xuất một số loại phân bón;

CĐR9 : Thực hiện thành thạo các bước xây dựng và triển khai quy trình bón phân cho một số cây trồng phổ biến nhằm quản lý dinh dưỡng và sử dụng hiệu quả phân bón cho cây trồng;

CDR10: Vận dụng phối hợp các kỹ năng khảo sát, xử lý thông tin, quản trị trong hoạt động sử dụng, sản xuất và kinh doanh phân bón;

3.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CDR11: Tuân thủ pháp luật, tôn trọng văn hóa của tổ chức, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm trong quản lý nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững;

CDR12: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

3.3. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng có thể công tác trong các vị trí và lĩnh vực sau:

- + Cán bộ quản lý, kinh doanh, kỹ thuật tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh phân bón và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp;
- + Cán bộ quản lý, chuyên viên công tác tại các cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố; các Phòng Nông nghiệp, phòng Kinh tế tổng hợp của các huyện, thành phố, thị xã;
- + Cán bộ chuyên môn cấp xã
- + Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu về đất, phân bón và cây trồng;
- + Giáo viên giảng dạy các môn học về nông hóa, phân bón của các cấp học phù hợp theo quy định tại các trường đại học, trung cấp nông nghiệp, Tài nguyên môi trường.
- + Kỹ thuật viên phân tích tại các phòng phân tích đất, nước, phân bón và môi trường.
- + Cán bộ quản lý hoặc chuyên viên tại các đơn vị khảo nghiệm, kiểm nghiệm phân bón.

3.4. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp đại học ngành Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

- + Thạc sĩ ngành Khoa học đất;
- + Thạc sĩ ngành Khoa học Môi trường;
- + Thạc sĩ ngành Khoa học cây trồng
- + Tiến sĩ ngành Khoa học Đất;
- + Tiến sĩ ngành Khoa học Môi trường.
- + Tiến sĩ ngành Khoa học cây trồng

3.5. Tiến trình đào tạo ngành Phân bón và dinh dưỡng cây trồng

Học kỳ	TT	Tên học phần	Mã HP	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
1	1	Giáo dục quốc phòng 1	QS01001	3	3.0	0.0				PC BB	0
1	2	Tiếng Anh bổ trợ	SN00010	1	1.0	0.0				-	
1	3	Giáo dục thể chất đại cương	GT01016	1	0.5	0.5				PC BB	
1	4	Triết học Mac-Lê nin	ML01020	3	3	0				BB	
1	5	Sinh thái môi trường	MT01008	2	2.0	0.0				BB	
1	6	Hoá học đại cương	MT01001	2	1.5	0.5				BB	
1	7	Tin học đại cương	TH01009	2	1	1				BB	
1	8	Xác suất thống kê	TH01007	3	3.0	0.0				BB	
1	9	Pháp luật đại cương	ML01009	2	2.0	0.0				BB	
1	10	Vi sinh vật đại cương	MT02033	2	1.5	0.5				BB	
2	11	Giáo dục quốc phòng 2	QS01002	2	2.0	0.0				PC BB	4
2	12	Kỹ năng mềm: 90 tiết (chọn 3 trong 6 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng hội nhập quốc tế)	KN01001/ KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/							PC BB	
2	13	Giáo dục thể chất (chọn 2 trong 9 HP: Điền kinh, thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi)	GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01014/ GT01015/	1	0	1				PC BB	
2	14	Tiếng Anh 0	SN00011	2	2.0	0.0				-	
2	15	Nguyên lý kinh tế	KT02003	3	3	0				BB	
2	16	Hoá phân tích	MT01004	2	1.5	0.5	Hoá học đại cương	MT01001	2	BB	
2	17	Thổ nhưỡng đại cương	QL02008	2	1.5	0.5	Hoá học đại cương	MT01001	2	BB	
2	18	Makerting căn bản 1	KQ03107	2	2	0				BB	
2	19	Tưới tiêu trong nông nghiệp	QL02041	2	1.5	0.5				BB	
2	20	Hóa sinh thực vật	CP02013	2	1.5	0.5				TC	
2	21	Khí tượng nông nghiệp	MT01006	2	1.5	0.5				TC	

2	22	Hoá học môi trường	MT02003	2	1.5	0.5	Hoá học đại cương	MT01001	2	TC	
2	23	Hóa hữu cơ	MT01002	2	1.5	0.5	Hoá học đại cương	MT01001	2	TC	
3	24	Giáo dục quốc phòng 3	QS01003	3	2.0	1.0				PC BB	
3	25	Thỏ nhường chuyên khoa	QL02009	2	1.5	0.5	Thỏ nhường đại cương	QL02008	2	BB	
3	26	Tiếng Anh 1	SN01032	3	3.0	0.0	Tiếng Anh 0	SN00011	3	BB	
3	27	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	ML01021	2	2	0	Triết học Mác-Lê nin	ML01020	2	BB	4
3	28	Sinh lý thực vật	NH02003	3	2	1				BB	
3	29	Phân tích đất, nước	QL03019	3	1.0	2.0				BB	
3	30	Cây trồng đại cương	NH02019	3	2.5	0.5				BB	
3	31	Quản lý môi trường	MT02011	2	2	0				TC	
3	32	Sử dụng thuốc BVTV	PNH03004	2	1.5	0.5				TC	
3	33	Chỉ thị sinh học môi trường	QL03047	2	2	0				TC	
4	34	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ML01022	2	2	0	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	ML01021	2	BB	2
4	35	Tiếng Anh 2	SN01033	3	3	0	Tiếng Anh 1	SN01032	3	BB	
4	36	Phân bón	QL03043	2	1.5	0.5	Thỏ nhường ĐC	QL02008	2	BB	
4	37	Quản trị doanh nghiệp	KQ02209	3	3	0				BB	
4	38	Canh tác học	NH02030	2	1.5	0.5				BB	
4	39	Hóa học đất	QL02007	3	2.0	1.0	Thỏ nhường đại cương	QL02008	2	BB	
4	40	Quản lý dịch hại tổng hợp	NH03025	2	1,5	0,5				TC	
4	41	Quản trị bán hàng	KQ03329	2	2	0				TC	
5	43	Công nghệ SX phân bón	QL03024	3	2.5	0.5				BB	
5	44	Phương pháp thí nghiệm	NH02005	2	1.5	0.5				BB	
5	45	Bón phân cho cây lương thực và rau màu	QL03101	2	1.5	0.5	Phân bón	QL03043	2	BB	2
5	46	Nông hóa cải tạo đất	QL03063	2	1.5	0.5	Phân bón	QL03043	2	TC	
5	47	Sinh lý thực vật ứng dụng	NH03063	2	1,5	0,5				TC	
5	48	Thực tập giáo trình 1	QL04022	8	0	8	Công nghệ sản xuất phân bón	QL03024	1	BB	
5	49	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ML01005	2	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ML01022	2	BB	
6	51	Cơ sở khoa học của sử dụng phân bón	QL03044	3	2.0	1.0	Phân bón	QL03043	2	BB	
6	52	Tiếng Anh chuyên ngành	SN03054	2	2.0	0.0	Tiếng anh 2	SN01033	2	BB	2
6	53	Quản lý dinh dưỡng cây trồng tổng hợp	QL03064	2	2	0	Bón phân cho cây trồng 1	QL03023		BB	
6	54	Phân tích phân bón, cây trồng	QL03045	2	0.5	1.5				BB	

6	55	Bón phân cho cây ăn quả và cây công nghiệp	QL03102	2	1.5	0.5	Phân bón	QL03043	2	BB	
6	56	Công nghệ VSV trong SX phân bón	MT03064	2	1.5	0.5				BB	
6	57	Sinh học đất	MT02032	2	2	0					
6	58	Bón phân cho một số nhóm cây trồng chuyên dụng	QL03103	2	1.5	0.5	Phân bón	QL03043	2	TC	
6	58	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	ML01023	2	2	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ML01005	2	BB	
7	60	Thực tập giáo trình 2	QL04023	12	0.0	12.0	Bón phân cho cây lương thực và rau màu	QL03101	2	BB	0
7	61	Quản lý chất lượng sản phẩm	KQ03110	3	3	0				BB	
	62	Độ phì nhiêu đất	QL03017	2	2.0	0.0				BB	
8	63	Khoá luận tốt nghiệp	QL04992	10		10.0	Thực tập giáo trình 1, thực tập giáo trình 2	QL04022, QL04023	2	BB	0

Tổng số tín chỉ bắt buộc : 117

Tổng số tín chỉ tự chọn : 14

Tổng số tín chỉ : 131